TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Phước Công.

Bà Đào Thị Thu Vân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Bà Lê Mai Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 530/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu H , sinh năm 1979. (có mặt)

Cư trú: Tổ 4, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Cư trú: Số 145, Tổ 4, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà và ông L sống chung với nhau năm 1999, có đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó hàn gắn sống chung đến năm 2017 lại phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp, ông L không lo làm ăn, không vun vén hạnh phúc gia đình. Hiện nay tình cảm không còn, bà xin được ly hôn với ông L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 09/12/2000; Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 30/4/2004. Hiện nay cháu T, cháu T1

đang sống với bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tóa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tóa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Mâu thuẫn giữa bà H và ông L đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến phản hồi cho thấy tình cảm vợ, chồng không còn, nếu buộc trở lại sống chung cũng không hạnh phúc, nghĩ nên cho ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 09/12/2000, Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 30/4/2004. Hiện con chung đang sống với bà H, khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay 02 con chung sống với bà Hồng vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Hơn nữa cháu T và T1 đều có nguyện vọng được sống với bà H. Để ổn định cuộc sống cho con chung nghĩ nên để bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và T1, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện ông Nguyễn Văn L, ông L cư trú ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông L là hợp pháp. Quá trình chung sống do ông, bà bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Bà H và ông L ly thân từ năm 2016 đến nay không còn liên lạc, vợ chồng không quan tâm lẫn nhau, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa bà H và ông L không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà H xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 09/12/2000; Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 30/4/2004. Hiện cháu T, cháu T1 đang sống với bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay cháu T, cháu T1 đã sống ổn định với bà H, cháu T, cháu T1 cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Bà H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông L cũng không có ý kiến phản đối. Tại biên bản xác minh ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thì cháu T, cháu T1 sống với bà H phát triển tốt về tinh thần và thể chất, nhà bà H gần trường học, trạm y tế, đảm bảo về việc học hành cũng như chăm sóc sức khỏe cho cháu T, cháu T1. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà H là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, cháu T1.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với ông L.

[5]. *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tóa án giải quyết.

[6]. *Về nợ chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tóa án giải quyết.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H .

[1]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

[2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 09/12/2000; Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 30/4/2004.

Bà Nguyễn Thị Thu H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3]. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tóa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tóa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0014473 ngày 23/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới